TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/4/2022
Về việc:"Ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các hội thẩm nhân dân:
1, Ông Lê Hữu Thủy
2, Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thụ lý số: 288/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX- ST ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa.

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm1984
Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Chỗ ở hiện nay: Phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Bị đơn: Ông Lê Thanh Tùng, sinh năm 1960
Nơi ĐK HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, các đương sự đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2021, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng cũng như tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Trước năm 2013, anh Tùng vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án một thời gian dài, sau khi anh T đi chấp hành án về, được bạn bè giới thiệu và qua tìm hiểu chị và anh T kết hôn

trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2013, tại UBND xã V, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn giúp đỡ vợ, con mà thường xuyên cờ bạc, nợ nần nhiều, chị động viện góp ý anh T không nghe mà còn có lời lẽ thiếu tế nhị đối với chị, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, gia đình hai bên và bạn bè đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị xét thất cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung. Vợ chồng có 1 con chung cháu Lê Viết Gia B,sinh ngày 18/11/2014, từ khi vợ chồng ly thân cháu B ở với chị, hiện nay cháu đang học lớp 2 trường dân lập Triệu Sơn, đóng tại thị trấn Triệu Sơn, học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình hường, nay vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của cháu B ở với mẹ, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ một tháng, bản thân chị hiện nay có nơi ăn ở ổn định, có cửa hàng kinh doanh tự do cây cảnh và cây ăn quả tại phố X, thị trấn T, huyện T, có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 8.000.000đồng.

Về tài sản và nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn anh Lê Thanh T, tại bản tự khai và tại phiên tòa trình bày: Cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thống nhất như chị H trình bày, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do lỗi của anh và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay là đúng nhưng anh vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con, anh sẽ cố gắng chăm lo cho vợ con, mong chị H bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái còn nếu chị H cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung anh T thống nhất vợ chồng có một con chung cháu Lê Viết Gia B, sinh năm 2014, từ khi vợ chồng ly thân cháu B ở với chị H, hiện đang học lớp 2 trường dân lập Triệu Sơn, học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, anh vẫn thường xuyên thăm hỏi con, nếu vợ chồng phải ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi cháu B và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, bản thân anh hiện nay làm trang trại tại xóm N, xã V, huyện T, có mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng từ 20 đến 30 triệu đồng, còn nếu Tòa không cho anh được trực tiếp nuôi thì luân phiên vợ chồng mỗi người nuôi 1 tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đề nghị vợ chồng luân phiên nuôi con, đến tháng của ai nuôi, người đó có trách nhiệm chi phí toàn bộ cho con.

Về tài sản, nợ: Anh thống nhất ý kiến chị H vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần tranh luận:

Ý kiến tranh luận của chị H:

Tôi vẫn thiết tha xin được ly hôn và trực tiếp nuôi con vì anh T hứa nhiều lần nhưng không từ bỏ được cờ, bạc và giữa tôi và anh T không còn tình cảm, không thể sống chung được nữa, từ khi vợ chồng ly thân, cháu B ở với tôi, nay nguyện vọng của cháu tiếp tục ở với mẹ, bản thân anh T từng đi tù nhiều năm, nay không chịu tu chí làm ăn nuôi dạy con cái mà vẫn ham mê cờ bạc, nợ nần nhiều, tôi khẳng định hiện tại anh T không có trang trại, nghề nghiệp ổn định mà chỉ đi làm công cho trang trại của người khác, nếu để anh T trực tiếp nuôi con sẽ không đảm bảo được sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho con được tốt, tôi cũng không đồng ý việc luân phiên nuôi con.

Ý kiếntranh luận của anh Tùng:

Nếu chị H không còn tình cảm vợ chồng thì tuy pháp luật giải quyết, nếu vợ chồng ly hôn, tôi phải trực tiếp nuôi con, hoặc yêu cầu Tòa giải quyết luân phiên mỗi người nuôi con 1 tháng , tôi có trang trại đầu tư nhiều tỷ đồng và có thu nhập bình quân từ 20 đến 30 triệu đồng 1 tháng, Tòa án có yêu cầu giấy tờ gì thì hoãn phiên tòa tôi sẽ xem xét hỏi ý kiến cháu B, giấy ý kiến cháu B cung cấp cho Tòa án là giả mạo, không phải ý kiến của cháu B.

Ý kiến chị H: Về nguyện vọng ở với mẹ là ý kiến tự nguyện của cháu B, do cháu tự viết, việc anh T nói có trang trại riêng và thu nhập hàng tháng từ 20 đến 30 triệu đồng là không đúng, anh T chỉ làm công cho trang trại của người khác, thu nhập không ổn định, việc này địa phương cũng đã xác nhận, Quá trình giải quyết vụ án từ tháng 10/2021 đến nay, Tòa án báo làm việc nhiều lần, đến địa phương mời anh T đến làm việc nhưng anh T đều không hợp tác, các tài liệu xác minh thu thập, Tòa án cũng đã thông báo đến tay vợ chồng, nhưng anh T đều không có ý kiến gì, nay lại xin hoãn phiên tòa là chỉ nhằm kéo dài việc giải quyết vụ án để đe dọa, hành hạ vợ con chứ không có thiện chí, đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát huyện Triệu Sơn phát biểu như sau:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tư thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn tình thần hợp tác không tốt dẫn đến việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con cái căn cứ nguyện vọng của con, điều kiện việc làm, thu nhập của chị H và các điều 81.82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu B, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.000.000đ, cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ: các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Thanh T, kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn, giúp đỡ vợ, con mà hay cờ bạc, chị H động viên góp ý anh T không nghe mà con chửi mắng xúc phạm, ngược đãi chị H, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đoàn bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh T thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng, tuy vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng anh vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con, mong muốn đoàn tụ, nếu chị H cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng thấy, tại bản tự khai và tại phiên tòa anh T thừa nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn, vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2020 đến nay, nguyên nhân do thời gian qua anh có hay bài bạc, dẫn đến nợ nần nhiều, nay anh sẽ cố gắng tu chí làm ăn để lo cho vợ con, nếu chị H muốn ly hôn phải để anh trực tiếp nuôi con.

Xét thấy việc anh T không đồng ý ly hôn và yêu cầu đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án báo hòa giải đoàn tụ nhiều lần, anh T đều vắng mặt mà không có lý do, khi Tòa án đến địa phương xác minh, anh T có mặt tại địa phương nhưng không tham gia, cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này thể hiện anh T bỏ mặc tình cảm của chị H, việc anh xin đoàn tụ là không thiện chí, không nhằm đến hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc, thực tế vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tại phiên tòa chị H vẫn thiết tha xin ly hôn, do đó yêu cầu ly hôn của chị H là thực tế, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2] Về con chung: Chị H và anh Tùng thống nhất có 1 con chung cháu Lê Viết Gia B, sinh ngày 18/4/2014, từ khi vợ chồng ly thân năm 2020, cháu B ở với chị H, học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường và có nguyện vọng ở với mẹ nay vợ chồng ly hôn, chị H xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ một tháng, bản thân chị buôn bán cây ăn quả tại nơi cư trú, thu nhập bình quân 8.000.000đ một tháng, anh T cũng xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con và trình bày hiện nay làm trang trại tại địa phương có mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 20 đến 30 triệu một tháng, trường hợp anh không được toàn quyền nuôi con, anh đề nghị sau khi vợ chồng ly hôn luân phiên mỗi người nuôi con hàng tháng, khi đến tháng của ai người đó chịu toàn bộ chi phí nuôi con trong tháng đó.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của vợ chồng là chính đáng nhưng vợ chồng chỉ cómột con chung nên cần xem xét đến nguyện vọng, tâm sinh lý, điều kiện việc làm, thu nhập mỗi bên để giao người nuôi con đảm bảo tốt nhất sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B.

Xét thấy điều kiện nuôi con của anh T: Anh Lê Thanh T trình bày hiện tại anh làm trang trại tại địa phương có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 20 đến 30 triệu đồng 1 tháng, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa không cũng cấp được giấy tờ chứng minh việc làm và thu nhập, Tòa án đã xác minh tại địa phương cũng không có căn cứ, hơn nữa bản thân anh T từng vi phạm pháp luật 1 lần, từ khi kết hôn đến nay không tu chí làm ăn mà vẫn ham mê cờ, bạc nợ, nần nhiều như anh T đã thừa nhận.

Xét điều nuôi con của chị chị H: Chị H có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng 8.000.000đồng, có nơi ăn ở ổn định, từ khi vợ chồng ly thân cháu B ở với chị H và đang học bán trú trường dân lập Triệu Sơn, tại phố Giắt thị trấn Triệu

Sơn, có xe đưa đón tận nhà, cháu học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, anh T cũng thừa nhận điều này. Điều kiện nuôi con của chị H phù hợp với tài liệu chứng cứ, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Với điều kiện của chị H và để ổn định tâm sinh lý, việc học tập, sinh hoạt của cháu B, nghĩ nên giao chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B sẽ đảm bảo tốt hơn.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H mức 2.000.000đ một tháng. Chị H được giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng nên có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là phù hợp với điều kiện khả năng kinh tế của anh T, như anh T trình bày thu nhập bình quân hàng tháng từ 20 đến 30 triệu đồng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. anh T được quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Đối với lời nại của bị đơn cho rằng bản ý kiến của cháu B gửi Tòa án là không khách quan, Bản ý kiến của cháu B được Tòa án thu thập là do cháu tự viết, có sự giám hộ của chị H nên là khách quan, đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, mỗi lần tống đạt đều giải thích quy định pháp luật về tố tụng, để bị đơn biết thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Tòa án cũng đã phối hợp với thôn, xã nơi bị đơn đang cư trú đến xác minh, ghi nhận ý kiến của bị đơn, bị đơn có mặt tại địa phương nhưng không tham gia. Các tài liệu Tòa án xác minh, thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án đều thông báo kết quả đến các đương sự nhưng bị đơn đều không có ý kiến gì. Ngày 12/4/2022, Tòa án mở phiên Tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên Tòa, Như vậy cả quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt không có lý do, cũng không có khiếu nại, tố cáo gì, nên yêu cầu hoãn phiên Tòa ngày hôm nay của bị đơn là không khách quan, không có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận.

Đối với đề nghị của bị đơn là giao người trực tiếp nuôi con luân phiên hàng tháng, đề nghị này chị H không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

[3] Về tài sản và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 144, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 57,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về con chung: Giao chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng cháu Lê Viết Gia B, sinh ngày 18/11/2014, anh Lê Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ, theo biên lai số 6306 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị H đã nộp đủ án phí; Bị đơn anh Lê Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Đình Hợp

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND huyện Triệu Sơn;
-CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, VP.